TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 871/2019/ HNGĐ-ST
Ngày: 26/11/2019
V/v tranh chấp "ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Vũ Thị Hiệp
- Bà Võ Thị Xuân Đào

Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Kim Thương – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/11/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 475/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/7/2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 447/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 159/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/10/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Hồ Thị Yến Th, sinh năm X; Địa chỉ thường trú: H, Quận S, TP. Hồ Chí Minh; Địa chỉ tạm trú: C, Quận S, TP. Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Minh T, sinh năm Y; Địa chỉ thường trú: L, huyện B, tỉnh T; Địa chỉ tạm trú: V, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/6/2019, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Hồ Thị Yến Th trình bày:

Bà Hồ Thị Yến Th và ông Phạm Minh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 76, quyển số 01/2013 (Ngày, tháng, năm đăng ký: 22/5/2013) của UBND Phường B, Quận S. Có 01 con chung là trẻ Phạm Minh Đ, sinh ngày 29/4/2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà số V, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến khi sinh con thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông T tính toán tiền bạc, chi tiêu trong gia đình chi li, khắt khe, nên bà cảm thấy ngột ngạt vì không tin tưởng nhau, dẫn đến thường xuyên cãi vã, tình cảm phai nhạt.

Khi con được 4 tháng tuổi bà Th đã muốn xin ly hôn nhưng ông T năn nỉ và hứa sẽ thay đổi nên bà không nộp đơn. Tuy nhiên chỉ được một thời gian thì ông T vẫn tính toán, yêu cầu bà liệt kê những chi tiêu hằng ngày, bà Th đã cố nhẫn nhịn, góp ý nhưng ông T vẫn không thay đổi. Từ tháng 6/2018 vợ chồng đã ly thân cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm không còn, nên bà xin ly hôn với ông T.

Về con chung: bà Th xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Phạm Minh T vắng mặt tại phiên toà, không có bản tự khai.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 76, quyển số 01/2013 (Ngày, tháng, năm đăng ký: 22/5/2013) của UBND Phường B, Quận S thì bà Hồ Thị Yến Th và ông Phạm Minh T có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông T đang thực tế cư trú tại Quận S, thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà Th có đơn xin ly hôn nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 điều 51 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, ông Phạm Minh T vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hôn nhân: Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: " Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...", khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "…Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

HĐXX thấy rằng: Theo bà Th thì vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn về kinh tế gia đình; Ông T tính toán tiền bạc chi tiêu chi li, khắt khe dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau và đã ly thân từ hơn một năm nay. Đôi bên không còn quan tâm đến nhau.

Về phía ông Phạm Minh T, Tòa án đã gởi thông báo thụ lý cho ông T về việc bà Th có đơn yêu cầu ly hôn ông. Tuy nhiên, từ khi nhận thông báo thụ lý đến nay ông T không có văn bản gửi Tòa án về ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà Th, cũng không đến Toà án để tham dự hòa giải mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Cho thấy mối quan hệ giữa ông T và bà Th đã không còn gắn bó; từ hơn một năm nay không còn sống chung và cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng; ông T không còn tha thiết đến tình cảm vợ chồng, không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng; phía bà Hồ Thị Yến Th vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu của bà Th là thỏa đáng.

[3] Về con chung: Bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Phạm Minh Đ, sinh ngày 29/4/2014.

Theo bà Th trình bày tại phiên tòa thì cho đến nay bà vẫn đang trực tiếp nuôi con và đủ điều kiện về mọi mặt để lo cho con. Như vậy hiện nay bà Th đang nuôi con ổn định nên chấp nhận yêu cầu của bà Th giao con chung chưa thành niên là trẻ Phạm Minh Đ cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Việc cấp dưỡng nuôi con bà Tu đề nghị để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Hồ Thị Yến Th khai không có. Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Bà Th khai không có. Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Bà Hồ Thị Yến Th phải chịu án phí theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 51, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016); Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TUYÊN XỬ:

1/ Cho ly hôn giữa bà Hồ Thị Yến Th và ông Phạm Minh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 76, quyển số 01/2013 (Ngày, tháng, năm đăng ký: 22/5/2013) của UBND Phường B, Quận S cấp cho bà Hồ Thị Yến Th và ông Phạm Minh T không còn giá trị pháp lý.

2/ Về con chung: Giao cho bà Hồ Thị Yến Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là trẻ Phạm Minh Đ, sinh ngày 29/4/2014.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Hồ Thị Yến Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Phạm Minh T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

3/ Về chia tài sản: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

Về nợ chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Hồ Thị Yến Th nộp được trừ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Th đã nộp theo biên lai thu số 0011357 ngày 04/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S, TP. Hồ Chí Minh.

Bà Hồ Thị Yến Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Minh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- UBND Quận 6 TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Minh Châu